

Vai trò Nhà nước về nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở một số nước và bài học rút ra cho Việt Nam

Th.s Trương Xuân Tuyên

Công ty cổ phần Khánh Duy

PGS.TS Trần Việt Tiến

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: viettienneu@gmail.com

Theo thống kê mới nhất, cả nước hiện có trên 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), chiếm tới 98% số lượng doanh nghiệp. Các DNNVV không chỉ đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước mà còn giúp tạo ra hơn một triệu việc làm mới mỗi năm, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng cường an sinh xã hội. Hiện nay các DNNVV đang đứng trước nhiều thách thức do hội nhập kinh tế thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, để tồn tại và phát triển, các DNNVV phải nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Do các nguồn lực hạn chế, nên khả năng cạnh tranh của các DNNVV không cao, bởi vậy đòi hỏi phải có sự giúp đỡ của Nhà nước. Bài viết này khảo sát vai trò Nhà nước về nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV ở một số nước, qua đó rút ra một số bài học cho Việt Nam.

Từ khóa: DNNVV, khả năng cạnh tranh, vai trò nhà nước

1. Vai trò Nhà nước về nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV ở một số nước

Trong các chính sách hỗ trợ để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, hầu hết các quốc gia xác định DNNVV là đối tượng trọng tâm, do đây là lực lượng quan trọng quyết định sự tăng trưởng và ổn định của nền kinh tế, tác động nhanh đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, giải quyết các vấn đề xã hội, huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển... Bên cạnh đó, các DNNVV lại là chủ thể dễ bị tổn thương nhất trong quá trình toàn cầu hóa do có thị phần nhỏ, hoạt động quy mô nhỏ nên luôn trong tình trạng thiếu vốn so với nhu cầu phát triển, khả năng tiếp cận thông tin, công nghệ và trình độ lao động cũng bị hạn chế.

Để hỗ trợ cho nhóm doanh nghiệp này trong quá trình hội nhập, các nước xây dựng các chính sách hỗ trợ với mục tiêu phù hợp. Đối với các nước đang phát triển, trọng tâm trong chính sách hỗ trợ doanh

nh nghiệp là nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường nội địa. Đối với các nước phát triển và các nền kinh tế có trình độ hội nhập sâu rộng, các chính sách quan tâm hơn đến việc hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường bên ngoài, phát triển thành các công ty xuyên quốc gia, cạnh tranh ở phạm vi khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, mỗi nước và vùng lãnh thổ lại có ưu tiên riêng về quy mô doanh nghiệp, như Hàn Quốc tập trung phát triển các tập đoàn lớn, Đài Loan phát triển DNNVV... và đều thu được thành công. Chính sách hỗ trợ các DNNVV của các nước thường tập trung vào ba nhóm vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi

Môi trường kinh doanh được coi là thuận lợi khi bảo đảm các yếu tố: Có hệ thống Luật pháp, hành chính rõ ràng, minh bạch, ít tốn kém nguồn lực thời gian và tiền bạc; bảo đảm sự ổn định của kinh tế vĩ mô, hạn chế tác động của các yếu tố bất khả kháng

và biến động của thị trường đối với DNNVV; có các biện pháp để bảo đảm thị trường cho DNNVV, như ổn định về giá cả của hàng hóa và dịch vụ, giảm bớt hàng rào bảo hộ mậu dịch của các nước, ổn định về quan hệ quốc tế...

Trong việc bảo đảm môi trường kinh doanh thuận lợi có hai xu hướng: *Xu hướng thứ nhất* là tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp nói chung, không phân biệt quy mô (các nền kinh tế Bắc Mỹ, như Mỹ, Ca-na-đa, và một số nước khác như Xin-ga-po tiếp cận theo xu hướng này) [5]. *Xu hướng thứ hai* là tập trung điển hình các chương trình hỗ trợ phát triển DNNVV trong khoảng thời gian nhất định (đại đa số các nước và vùng lãnh thổ đều tiếp cận theo xu hướng này, như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Mê-hi-cô, Pê-ru...)[5]. Một số nước, như Trung Quốc, còn có các chính sách riêng cho DNNVV, như giảm áp lực cạnh tranh và lũng đoạn từ các công ty lớn bằng việc xác định một số loại sản phẩm, dịch vụ dành riêng cho DNNVV sản xuất, cung ứng và chính phủ mua bao tiêu sản phẩm để bảo đảm đầu ra cho doanh nghiệp; yêu cầu DNNN hợp tác với DNNVV thông qua tư cách thầu phụ[3].

Trong các chính sách bảo đảm môi trường kinh doanh thuận lợi, các nước mới nổi và đang phát triển thường tập trung tạo khung pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, cải cách hệ thống thủ tục hành chính. Ví dụ: Chính phủ Trung Quốc hằng năm đều tiến hành rà soát lại tất cả các thủ tục hành chính và tiếp nhận những phản ánh của doanh nghiệp để bãi bỏ những thủ tục đã lạc hậu, không còn phù hợp[5]. Trong khi đó, các nước phát triển, do đã có một hệ thống luật pháp chặt chẽ, nhất quán, minh bạch hơn và hệ thống hành chính ít gây trở ngại đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nên quan tâm đến việc giảm bớt sự tác động của các yếu tố thị trường đối với hoạt động của doanh nghiệp, như ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá cả, hạn chế những rủi ro do xung đột, chiến tranh, dịch bệnh... Tuy nhiên, các nước này vẫn rất chú ý đến việc tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Thứ hai, tăng khả năng tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa luôn trong tình trạng thiếu vốn do tiềm lực tài chính tương đối hạn chế và

có ít tài sản để có thể thế chấp vay vốn từ ngân hàng. Do vậy, các nước thường áp dụng hai nhóm chính sách để hỗ trợ vốn kinh doanh cho doanh nghiệp: *Thứ nhất*, tăng cường nguồn vốn dành riêng cho các DNNVV thông qua hệ thống ngân hàng; hình thành các loại quỹ, như quỹ đầu tư, quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ bảo hiểm; xây dựng các chương trình hay dự án tài chính vi mô để tăng cung tín dụng cho các doanh nghiệp; thực hiện các chương trình ưu đãi thuế. *Thứ hai*, tăng số lượng các tài sản để doanh nghiệp có thể thế chấp vay vốn, bằng việc đơn giản hóa các thủ tục đăng ký tài sản, cho phép áp dụng các hình thức thế chấp linh hoạt hơn, như thế chấp bằng động sản, trang thiết bị, tài sản đang đầu tư...

Tùy thuộc vào tình hình tài chính, ngân sách mà mỗi nước sử dụng các chính sách hỗ trợ tài chính cho DNNVV phù hợp. Trên thực tế, chính sách hỗ trợ tài chính của các nước rất đa dạng:

- *Vốn mạo hiểm và hỗ trợ xuất khẩu* là các công cụ tài chính chủ yếu được áp dụng phổ biến ở nhiều nước. Bắt đầu từ một số quốc gia phát triển như Mỹ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, hiện nay nhiều nước cũng đã áp dụng công cụ này, như các nước khu vực Mỹ La-tinh (Chi-lê, Pê-ru, Mê-hi-cô...), các nước và vùng lãnh thổ châu Á (Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Đài Loan, Thái Lan...). Ví dụ, Chính phủ Xin-ga-po thực hiện hỗ trợ tài chính hoặc đứng ra bảo lãnh với ngân hàng cho các doanh nghiệp có tính sáng tạo cao, có tiềm năng phát triển vay vốn sản xuất, kinh doanh; hoặc lựa chọn để hỗ trợ vốn cho những người trẻ thành lập doanh nghiệp để thực hiện ý tưởng kinh doanh sáng tạo của mình[5]. Chính phủ Anh đã thành lập mạng lưới “nhà đầu tư mạo hiểm” để lựa chọn và cung cấp vốn cho các doanh nghiệp có triển vọng hoặc các ý tưởng có khả năng thực thi. Chính phủ Trung Quốc áp dụng chính sách hỗ trợ xuất khẩu mạnh mẽ, trong đó có việc hoàn thuế xuất khẩu cho các doanh nghiệp, năm 2011 tỷ lệ hoàn thuế xuất khẩu của nước này lên đến 15%.

- *Bảo lãnh tín dụng* cũng là một công cụ được nhiều chính phủ áp dụng nhằm tăng khả năng tiếp cận tài chính cho DNNVV. Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV ở Mỹ, Anh, Ca-na-đa có 100% vốn hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, trong khi tỷ lệ này ở vùng lãnh thổ Đài Loan là 61%, Hàn Quốc: 39%, Thái Lan: 27% và Ấn Độ chỉ có 3%[5]. Cách làm của Trung Quốc có đặc thù hơn khi xây dựng hệ

thống các tổ chức tài chính với nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ ngân sách nhà nước và từ việc xã hội hóa để bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Đến nay, Trung Quốc đã có hơn 4.000 tổ chức tài chính đứng ra bảo lãnh cho DNNVV vay vốn (hiện vốn vay của các DNNVV tại Trung Quốc chủ yếu thông qua các tổ chức tài chính này). Trong khối ASEAN, Ma-lai-xi-a với gần 600.000 DNNVV là quốc gia có chính sách hỗ trợ tài chính mạnh mẽ cho doanh nghiệp như thành lập “Quỹ cho các DNNVV” và “Quỹ các doanh nghiệp mới”, để giúp doanh nghiệp vay vốn với lãi suất thấp, khoảng 4% - 6%/năm, với chương trình “Cho vay nhỏ” cho phép các doanh nghiệp dưới 5 lao động vay vốn mà không phải thế chấp. Các DNNVV hoạt động hiệu quả nhưng có khó khăn trong trả nợ cũng được nhà nước bảo lãnh nợ thông qua “Kế hoạch giải quyết nợ cho các doanh nghiệp nhỏ”; giảm 70% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm hoặc trợ cấp thuế đầu tư bằng 60% chi phí vốn hợp lệ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và các ngành mới nổi[5].

- *Chính sách thuế*: Hiện nay ngày càng có nhiều nước xây dựng một chính sách thuế riêng biệt, ưu đãi hơn cho khu vực DNNVV. Ví dụ, năm 2010, Chính phủ Trung Quốc đã nâng mức khởi điểm chịu thuế VAT đối với doanh nghiệp nhỏ là 5.000 NDT - 20.000 NDT, tính theo doanh thu hằng tháng, so với mức chịu thuế trước đây là 2.000 NDT - 5.000 NDT. Mức tính thuế môn bài đối với doanh nghiệp nhỏ được nâng lên 5.000 NDT - 20.000 NDT, so với mức 1.000 NDT - 5.000 NDT trước kia Chính phủ còn miễn lệ phí ngân hàng đối với doanh nghiệp nhỏ khi vay vốn từ tháng 11-2011 đến tháng 10-2014; Các doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp trong một số ngành nghề như công nghệ cao, tài chính được miễn thuế trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm [5].

Thứ ba, thúc đẩy thị trường dịch vụ phục vụ phát triển doanh nghiệp

Dịch vụ phát triển doanh nghiệp là hệ thống các dịch vụ được sử dụng bởi doanh nghiệp, nhằm giúp hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn. Trong thị trường dịch vụ cho DNNVV, các nước thường tập trung phát triển các nhóm dịch vụ, như chính sách hỗ trợ về thông tin; chính sách hỗ trợ về đào tạo; hỗ trợ về công nghệ; hỗ trợ tiếp thị và tiếp cận thị trường.

Phương pháp tiếp cận đến thị trường này cũng đã có nhiều thay đổi. Một số nước, như Indonesia, Malaysia hay Ấn Độ trước đây đã tiếp cận thị trường này theo phương pháp truyền thống, đó là chính phủ đứng ra hoặc thông qua tổ chức kinh doanh phi lợi nhuận cung cấp các dịch vụ bằng nguồn vốn của chính phủ và các nhà tài trợ. Hiện nay, phần lớn các nước, trong đó có Trung Quốc, đã tiếp cận với phương pháp mới dựa trên nguyên tắc: Phát triển thị trường bền vững bao gồm các tổ chức khác nhau, chủ yếu là khu vực tư nhân, cung cấp các dịch vụ trên cơ sở cạnh tranh; chính phủ khuyến khích nhiều chủ thể khác nhau cung cấp các dịch vụ chất lượng cho DNNVV trên cơ sở thương mại; chính phủ sẽ ngừng can thiệp khi thị trường này đã tương đối phát triển.

Mô hình hệ thống dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của Xin-ga-po là một ví dụ rất thành công. Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp khi đầu tư ra nước ngoài hoặc tham gia thị trường xuất khẩu, Chính phủ nước này đã thành lập quỹ đào tạo cho các giám đốc, nhà quản lý những kiến thức về các thị trường trọng điểm, như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Liên bang Nga; thành lập Tổ chức phát triển doanh nghiệp, có văn phòng ở hơn 30 nước trên thế giới với trách nhiệm tập hợp và cung cấp thông tin về thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đi khảo sát ở nước ngoài, hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo ở nước ngoài, thành lập cổng thông tin điện tử cho các giám đốc tư vấn trực tiếp với các chuyên gia kinh tế hàng đầu về kinh nghiệm và các thông lệ quốc tế .

2. Một số bài học rút ra cho Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện môi trường kinh doanh; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững và hiệu quả của tất cả các doanh nghiệp, vì *doanh nghiệp mới là chủ thể chính tự vươn lên nâng cao sức cạnh tranh*, còn Nhà nước chỉ là người tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về luật pháp, tài chính, đất đai, kết cấu hạ tầng, khoa học- công nghệ... Phải đẩy mạnh cải cách, giảm thiểu thủ tục hành chính (nhất là đối với các cơ quan quản lý đầu tư, Thuế, Hải quan, kiểm định chất lượng, bảo vệ môi trường), hướng tới xây dựng một chính quyền điện tử vì nhân dân, phục vụ doanh nghiệp; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng; thực hiện công khai, minh bạch

trong thể chế chính sách và các thủ tục hành chính liên quan. Bên cạnh đó, cần hỗ trợ thông tin và truyền thông cho doanh nghiệp để góp phần minh bạch hóa và nâng cao uy tín, và sự chính xác trong hoạt động quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Thống nhất quan điểm: Coi thu hút đầu tư và phát triển DN là yếu tố quyết định phát triển kinh tế- xã hội, là đối tượng mà bộ máy chính quyền các cấp phải đồng hành. Điều đó, được cụ thể hóa trong qui chế làm việc của cấp ủy, chính quyền và các sở, ban, ngành các cấp. Trong đó, thẩm quyền và giải quyết từng loại công việc được qui định rõ ràng theo tinh thần chủ trương bàn và quyết tập thể, điều hành và quyết định chỉ một người. Mặt khác, vận dụng đến mức có lợi nhất cho DN và nhà đầu tư trong khuôn khổ các chính sách khen thưởng và tuyên dương các DN làm ăn tốt. DN tin cậy chính quyền, vừa yên tâm làm ăn vừa kêu gọi đồng nghiệp đầu tư.

Thứ hai, đa dạng hóa các kênh tài chính để cung cấp vốn cho DNNVV: Tiềm lực tài chính là một trong những nhân tố hết sức quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là DNNVV. Chính vì vậy, cần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong khu vực này để họ có thể dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn, các kênh tạo vốn trong nền kinh tế. Đa dạng hóa các hình thức bảo lãnh tín dụng, các hình thức dịch vụ tài chính và sản phẩm tài chính, từng bước nâng cao tỷ lệ và quy mô các khoản vay trung và dài hạn, mở rộng linh hoạt chế độ thế chấp tài sản, có thể thế chấp bằng động sản, phương tiện, cổ phiếu, dự án đang đầu tư. Thành lập quỹ phát triển DNNVV quốc gia; khuyến khích hình thành các quỹ hoặc doanh

ng nghiệp bảo lãnh, bảo hiểm tín dụng, xây dựng các chương trình hay dự án tài chính vi mô hỗ trợ. Vận dụng chính sách thuế để hỗ trợ phát triển DNNVV, nhất là khu vực nông thôn, lĩnh vực nông nghiệp. Mở rộng sự liên kết giữa các ngân hàng thương mại với các hội doanh nghiệp hoặc tổ chức nghề nghiệp để gia tăng các cơ hội tiếp cận nguồn tài chính đối với các DNNVV. Chính quyền thực hiện hỗ trợ tài chính hoặc đứng ra bảo lãnh với ngân hàng cho các doanh nghiệp có tính sáng tạo cao, có tiềm năng phát triển vay vốn sản xuất, kinh doanh; hoặc lựa chọn để hỗ trợ vốn cho những người trẻ thành lập doanh nghiệp để thực hiện ý tưởng kinh doanh sáng tạo của mình.

Thứ ba, tăng cường các dịch vụ hỗ trợ DNNVV: Có quy hoạch định hướng DNNVV phát triển tập trung theo chuỗi chuyên ngành. Xây dựng các khu tập trung DNNVV theo phương châm phát huy lợi thế so sánh khu vực, tiết kiệm đất đai, bảo vệ môi trường, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chương trình hỗ trợ của Chính phủ. Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng dịch vụ công đối với DNNVV thông qua các hình thức đầu tư xã hội hóa, xây dựng cơ chế phối hợp giữa doanh nghiệp với các trường đại học, trường dạy nghề, trung tâm nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu và triển khai, chia sẻ tài nguyên khoa học kỹ thuật.

Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp, nên thành lập quỹ đào tạo cho các giám đốc, nhà quản lý những kiến thức về các thị trường trọng điểm. □

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Kế Tuấn, Nguyễn Xuân Thắng, Nguyễn Như Phát, Trần Kim Hào, Ngô Kim Thanh, Nguyễn Hồng Nhung, Đỗ Ngọc Khải, Trần Quang Huy (2006), *Nâng cao sức cạnh tranh của các DN trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Quang Trung (2009), *Tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
3. Nghị định số 56/NĐ-CP, ngày 30-6-2009 của Chính phủ về “*Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*”.
4. Quyết định 1231/QĐ-TTg năm 2012 về “*Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 – 2015*” do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
5. Phạm Minh Chính (2012), *Kinh nghiệm về nâng cao năng lực cạnh tranh của một số quốc gia trên thế giới*, Tạp chí Cộng sản điện tử 9/2012.